

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính quý cho kỳ  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 6 tháng 8 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày ngày 6 tháng 8 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Ông Hồ Hùng Anh

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Thành viên

Ông Lars Kjaer

Thành viên

Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>21.069.797</b>	<b>16.428.327</b>	<b>975.475</b>	<b>7.247.661</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.555.419</b>	<b>5.166.415</b>	<b>444.257</b>	<b>517.251</b>
Tiền	111		691.216	302.970	12.407	9.901
Các khoản tương đương tiền	112		8.864.203	4.863.445	431.850	507.350
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>11</b>	<b>2.067.123</b>	<b>4.042.212</b>	<b>11.273</b>	<b>239.614</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.067.123	4.042.212	11.273	239.614
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>3.401.451</b>	<b>5.227.550</b>	<b>445.721</b>	<b>6.420.798</b>
Phải thu khách hàng	131		1.743.992	4.346.998	18.883	3.072.190
Trả trước cho người bán	132		972.338	341.231	134.761	134.636
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-	-	2.172.320
Phải thu ngắn hạn khác	136		710.589	527.770	292.077	1.041.652
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(26.492)	(2.064)	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.024	13.615	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>5.620.574</b>	<b>1.604.854</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		5.651.811	1.627.172	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.237)	(22.318)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>425.230</b>	<b>387.296</b>	<b>74.224</b>	<b>69.998</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125.280	70.227	4.310	396
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		281.350	295.726	51.759	50.380
Thuế và các khoản khác phải thu						
Nhà nước	153		18.600	21.343	18.155	19.222

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>50.228.852</b>	<b>36.536.773</b>	<b>22.465.220</b>	<b>17.399.699</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>8.286.158</b>	<b>1.447.633</b>	<b>7.938.645</b>	<b>5.025.630</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		18.883	-	18.883	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.830.337	-	4.169.874	2.283.927
Phải thu dài hạn khác	216		1.436.938	1.447.633	3.749.888	2.741.703
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.841.010</b>	<b>20.253.476</b>	<b>6.541</b>	<b>9.443</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	18.389.404	18.409.913	4.822	7.172
<i>Nguyên giá</i>	222		20.377.898	19.887.100	20.847	20.759
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.988.494)	(1.477.187)	(16.025)	(13.587)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	38.137	44.867	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(29.163)	(22.433)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.413.469	1.798.696	1.719	2.271
<i>Nguyên giá</i>	228		7.031.713	2.262.894	4.532	4.532
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(618.244)	(464.198)	(2.813)	(2.261)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>4.948.185</b>	<b>3.811.051</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.948.185	3.811.051	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>8.901.247</b>	<b>8.745.176</b>	<b>14.515.029</b>	<b>12.322.338</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	5.582.605	3.389.914
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.880.513	8.601.126	8.932.424	8.932.424
Đầu tư vào các công ty khác	253		21.646	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	254		(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	144.050	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.252.252</b>	<b>2.279.437</b>	<b>5.005</b>	<b>42.288</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.937.973	1.369.592	5.005	42.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		216.400	117.491	-	-
Lợi thế thương mại	269	13	1.097.879	792.354	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>71.298.649</b>	<b>52.965.100</b>	<b>23.440.695</b>	<b>24.647.360</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>45.347.411</b>	<b>31.039.961</b>	<b>6.278.223</b>	<b>7.116.242</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.482.972</b>	<b>11.796.756</b>	<b>973.084</b>	<b>2.341.101</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.359.794	999.340	390	1.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		182.830	35.786	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	14	308.322	962.550	-	1.127
Phải trả nhân viên	314		166.577	258	-	-
Chi phí phải trả	315	15	2.621.027	1.862.531	223.648	215.239
Phải trả khác	319	16	338.568	1.866.738	181.086	1.555.324
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	6.466.831	6.042.278	567.960	567.960
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.023	27.275	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.864.439</b>	<b>19.243.205</b>	<b>5.305.139</b>	<b>4.775.141</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		66.663	-	-	-
Nợ dài hạn khác	337	16	81.021	177.901	-	75.141
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	30.386.060	17.521.970	5.305.139	4.700.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.600.537	932.787	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		730.158	610.547	-	-

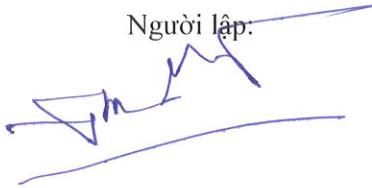
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
			30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
				Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại		
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>25.951.238</b>	<b>21.925.139</b>	<b>17.162.472</b>	<b>17.531.118</b>	
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>25.951.238</b>	<b>21.925.139</b>	<b>17.162.472</b>	<b>17.531.118</b>	
Vốn cổ phần	411	20	7.358.081	7.358.081	7.358.081	7.358.081	
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	9.631.164	9.631.164	9.631.164	9.631.164	
Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	(9.045.049)	(9.045.049)	(1.488.972)	(1.488.972)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.411.355	7.071.887	1.662.199	2.030.845	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	19	10.595.687	6.909.056	-	-	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>71.298.649</b>	<b>52.965.100</b>	<b>23.440.695</b>	<b>24.647.360</b>	

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

**Tập đoàn**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/4/2015 đến 30/6/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014</b> <b>Triệu VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b> <b>Triệu VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>6.998.342</b>	<b>4.197.839</b>	<b>10.624.517</b>	<b>6.955.510</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>168.892</b>	<b>65.493</b>	<b>210.689</b>	<b>104.283</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>6.829.450</b>	<b>4.132.346</b>	<b>10.413.828</b>	<b>6.851.227</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>4.488.102</b>	<b>2.459.037</b>	<b>6.889.569</b>	<b>4.280.137</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.341.348</b>	<b>1.673.309</b>	<b>3.524.259</b>	<b>2.571.090</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	408.464	79.159	551.377	272.467
Chi phí tài chính	22	25	649.731	564.851	1.169.040	881.763
Lãi từ các công ty liên kết	24	26	148.525	2.178	251.781	41.494
Chi phí bán hàng	25		1.109.468	843.618	1.541.139	1.273.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		387.102	257.180	706.709	505.856
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>752.036</b>	<b>88.997</b>	<b>910.529</b>	<b>224.189</b>
Thu nhập khác	31	27	11.010	13.217	23.319	17.048
Chi phí khác	32	28	11.399	3.730	24.566	4.928
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(389)</b>	<b>9.487</b>	<b>(1.247)</b>	<b>12.120</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>751.647</b>	<b>98.484</b>	<b>909.282</b>	<b>236.309</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>168.332</b>	<b>212.481</b>	<b>296.996</b>	<b>329.488</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(32.133)</b>	<b>(47.079)</b>	<b>(60.552)</b>	<b>(49.157)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>615.448</b>	<b>(66.918)</b>	<b>672.838</b>	<b>(44.022)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

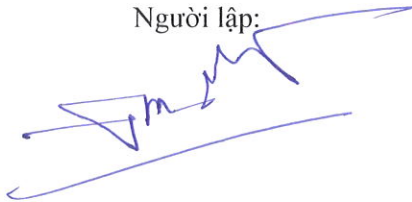
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

**Tập đoàn**

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2015	Từ 1/4/2014	Từ 1/1/2015	Từ 1/1/2014		
		đến 30/6/2015	đến 30/6/2014	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014		
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		
			Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b>		<b>60</b>	<b>615.448</b>	<b>(66.918)</b>	<b>672.838</b>	<b>(44.022)</b>	
<b>Phân bổ cho:</b>							
	Chủ sở hữu của Công ty	61	359.472	(226.723)	363.826	(333.330)	
	Cổ đông không kiểm soát	62	255.976	159.805	309.012	289.308	
<b>Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu</b>							
	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	481	(304)	487	(447)

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

<u>Tập đoàn</u>	Mã số	<b>Mẫu B 02 – DN/HN</b>			
		Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ 1/4/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>6.998.342</b>	<b>4.197.839</b>	<b>10.624.517</b>	<b>6.955.510</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>168.892</b>	<b>65.493</b>	<b>210.689</b>	<b>104.283</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.829.450</b>	<b>4.132.346</b>	<b>10.413.828</b>	<b>6.851.227</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>4.461.009</b>	<b>2.430.336</b>	<b>6.817.330</b>	<b>4.251.436</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>	<b>2.368.441</b>	<b>1.702.010</b>	<b>3.596.498</b>	<b>2.599.791</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	408.464	79.159	551.377	272.467
Chi phí tài chính	22	649.731	505.366	1.169.040	822.278
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	24	148.525	219.875	251.781	373.148
Chi phí bán hàng	25	1.109.468	843.618	1.541.139	1.273.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	247.809	141.315	500.158	302.139
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>	<b>918.422</b>	<b>510.745</b>	<b>1.189.319</b>	<b>847.746</b>
Thu nhập khác	31	11.010	13.217	23.319	17.048
Chi phí khác	32	11.399	3.730	24.566	4.928
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(389)</b>	<b>9.487</b>	<b>(1.247)</b>	<b>12.120</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>918.033</b>	<b>520.232</b>	<b>1.188.072</b>	<b>859.866</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>168.332</b>	<b>212.481</b>	<b>296.996</b>	<b>329.488</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>(9.088)</b>	<b>(29.701)</b>	<b>(24.359)</b>	<b>(27.327)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>	<b>758.789</b>	<b>337.452</b>	<b>915.435</b>	<b>557.705</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

Tập đoàn	Mã số	Giả định <sup>(1)</sup>			
		Từ 1/4/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>	<b>758.789</b>	<b>337.452</b>	<b>915.435</b>	<b>557.705</b>
<b>Phân bổ cho:</b>					
Chủ sở hữu của Công ty	61	457.576	102.555	536.091	168.875
Cổ đông không kiểm soát	62	301.213	234.897	379.344	388.830
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	612	137	717	226

(1) Số liệu pro forma, cho mỗi kỳ báo cáo và kỳ so sánh tương ứng, được tính toán bằng cách loại bỏ tác động của các khoản phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình phát sinh từ các thương vụ M&A của Tập đoàn trong quá khứ, cũng như loại các kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã được thanh lý trong kỳ báo cáo trước.

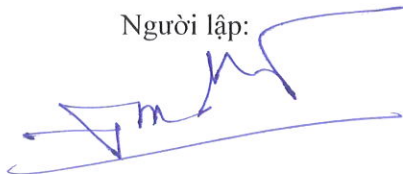
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

Công ty

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2015	Từ 1/4/2014	Từ 1/1/2015	Từ 1/1/2014
		đến 30/6/2015 Triệu VND	đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	đến 30/6/2015 Triệu VND	đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
01	22	-	-	-	-
02	22	-	-	-	-
<b>10</b>	<b>22</b>	-	-	-	-
11	23	-	-	-	-
<b>20</b>		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21 24	167.710	3.330.914	357.558	3.652.541
Chi phí tài chính	22 25	159.570	250.321	310.972	573.650
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	387.295	31.811	422.720	69.878
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	<b>30</b>	<b>(379.155)</b>	<b>3.048.782</b>	<b>(376.134)</b>	<b>3.009.013</b>
Thu nhập khác	31 27	3.921	6.864	7.538	8.379
Chi phí khác	32 28	47	1.433	50	1.433
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>	<b>3.874</b>	<b>5.431</b>	<b>7.488</b>	<b>6.946</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(375.281)</b>	<b>3.054.213</b>	<b>(368.646)</b>	<b>3.015.959</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>	<b>(375.281)</b>	<b>3.054.213</b>	<b>(368.646)</b>	<b>3.015.959</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
		Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>909.282</b>	<b>236.309</b>	<b>(368.646)</b>	<b>3.015.959</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	791.890	707.206	2.990	20.479
Các khoản dự phòng	03	50.851	31.528	-	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	107.494	41.882	(470)	(676)
Lỗi từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	1.798	2.393	-	1.433
Thu nhập lãi tiền gửi, cổ tức và các thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	05	(520.428)	(241.175)	(356.836)	(3.651.858)
Chi phí lãi vay và duy trì hạn mức vay	06	970.889	739.854	309.886	573.636
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	07	(251.781)	(41.494)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.059.995</b>	<b>1.476.503</b>	<b>(413.076)</b>	<b>(41.027)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(50.407)	(776.323)	288.585	(17.894)
Biến động hàng tồn kho	10	(905.572)	(592.554)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	975.858	571.027	52.468	(143.033)
Biến động khoản trả trước	12	(15.978)	-	9.508	-
		<b>2.063.896</b>	<b>678.653</b>	<b>(62.515)</b>	<b>(201.954)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(870.972)	(928.343)	(303.452)	(455.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14	(862.180)	(420.437)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.835)	(51.235)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>325.909</b>	<b>(721.362)</b>	<b>(365.967)</b>	<b>(657.851)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.625.372)	(924.786)	(88)	(1.425)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.960	1.520	-	-
Tiền cho vay	23		(8.185.723)	(235.799)	(3.196)	(1.778.985)
Tiền gửi/(thanh toán) có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(22.458.166)	(12.638.951)	(11.273)	-
Tiền thu hồi các khoản vay	24		1.355.386	-	79.569	606.777
Thu/(chi) tiền gửi có kỳ hạn	24		25.154.805	15.593.651	239.614	-
Thu/(chi) tiền đầu tư vào công ty con và một đơn vị khác	25		(2.248.791)	(287.265)	(3.694.751)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	26		3.129.193	-	3.035.143	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		527.519	329.638	18.953	547.688
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.349.189)</b>	<b>1.838.008</b>	<b>(336.029)</b>	<b>(625.945)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

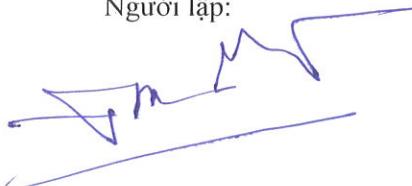
Mẫu B 03 – DN/HN

Mã Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát vào các công ty con	31	-	108.566	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	18.032.606	11.118.735	819.000	735.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34	(8.989.349)	(11.418.410)	(190.000)	(188.100)
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	34	-	(166.760)	-	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	36	(634.865)	(1.298.323)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8.408.392</b>	<b>(1.656.192)</b>	<b>629.000</b>	<b>546.900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>4.385.112</b>	<b>(539.546)</b>	<b>(72.996)</b>	<b>(736.896)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	3.892	1.713	2	2
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>9.555.419</b>	<b>5.160.730</b>	<b>444.257</b>	<b>642.385</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Masan Master Brewer (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka)	Kinh doanh bia và nước giải khát	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery PY (trước đây là Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên)	Sản xuất bia và nước giải khát	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG (*)	Kinh doanh bia và nước giải khát	100%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution (*)	Kinh doanh bia và nước giải khát	100%	-
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Kinh doanh và phân phối	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	78,4%	78,4%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	74,0%	74,0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,7%	41,7%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	50,1%	50,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	50,1%	50,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage	Kinh doanh và sản xuất nước giải khát	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN	Sản xuất nước chấm, mì ăn liền và nước giải khát	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB	Sản xuất mì ăn liền và đồ uống	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG (*)	Sản xuất và kinh doanh gia vị, hàng tiêu dung	78,4%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (**)	Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng	78,4%	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	73,7%	74,1%
Công ty TNHH tinh luyện von-fram Núi Pháo - H.C. Starck LLC	Chế biến kim loại mầu và kim loại quý hiếm	37,6%	37,8%
Công ty TNHH Masan Nutri-Science (***)	Tư vấn quản lý	99,9%	-
Công ty TNHH Shika (***)	Tư vấn quản lý	99,9%	-
Công ty TNHH Kenji (***)	Tư vấn quản lý	99,9%	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2015	1/1/2015
Công ty Cổ Phần Meiji (***)	Tư vấn quản lý	99,9%	-
Công ty Cổ Phần Việt-Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (***)	Đạm động vật	52,0%	-
Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (***)	Đạm động vật	70,0%	-

(\*) Trong kỳ kế toán, những công ty con này đã hoàn tất việc thành lập và được kiểm soát gián tiếp bởi Tập đoàn.

(\*\*) Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua lại 99,99% vốn sở hữu trong Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) thông qua MSF với khoản thanh toán là 200.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch. Do đó, SNF gián tiếp trở thành công ty con của Tập đoàn thông qua MSF.

(\*\*\*) Ngày 27 tháng 4 năm 2015, Tập đoàn đã mua lại 52,0% vốn sở hữu trong Công ty Cổ Phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) và 70,0% vốn sở hữu trong Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Anco”), cùng với việc mua lại 99,99% vốn cổ phần của Công ty TNHH Masan Nutri-Science (“MNS”).

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

## **2. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính theo sau.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21 Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(iv) Các công ty liên kết, liên doanh (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Việc mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ tài nguyên mỏ	16 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-16 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.

**(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm đến 20 năm.

**(iv) Quan hệ khách hàng**

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 15 năm.

**(v) Tài nguyên nước khoáng**

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 - 19 năm.

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 20 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 6 tháng đến 2 năm.

**(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(m) Phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông không kiểm soát được ghi nhận trong vốn khác của chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu.

**(q) *Doanh thu***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(r) *Doanh thu tài chính và chi phí tài chính***

**(i) *Doanh thu tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) *Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) *Lãi trên cổ phiếu***

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

**(t) *Các bên liên quan***

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền mặt	6.753	1.432	152	124
Tiền gửi ngân hàng	670.790	301.538	12.255	9.777
Tiền đang chuyển	13.673	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	8.864.203	4.863.445	431.850	507.350
	<b>9.555.419</b>	<b>5.166.415</b>	<b>444.257</b>	<b>517.251</b>

**5. Các khoản phải thu**

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
		<u>Đã điều chỉnh lại</u>		<u>Đã điều chỉnh lại</u>
<b>Phải thu từ công ty liên quan về cho vay – ngắn hạn</b>	-	-	-	2.172.320
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu từ bán các khoản bồi thường	256.200	256.200	-	-
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	142.244	142.244	996.348
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	47.343	64.972	2.071	3.398
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547	11.547	11.547
Phải thu khác	253.255	52.807	136.215	30.359
	<b>710.589</b>	<b>527.770</b>	<b>292.077</b>	<b>1.041.652</b>
<b>Phải thu từ công ty liên quan về cho vay – dài hạn</b>	-	-	4.169.874	2.283.927

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>				
Lãi dài hạn phải thu	13.085	4.712	-	-
Phải thu dài hạn khác	1.423.853	1.442.921	1.939	9.381
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	3.747.949	2.732.322
	<b>1.436.938</b>	<b>1.447.633</b>	<b>3.749.888</b>	<b>2.741.703</b>

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu từ các công ty liên quan như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	-	3.026.424
Phi thương mại – dài hạn	13.085	-	3.747.949	2.732.322

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.064	1.784
Thu từ công ty con	24.864	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	501
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(52)	(151)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(384)	(70)
Số dư cuối kỳ	<b>26.492</b>	<b>2.064</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Hàng mua đang đi đường	808.176	64.148	-	-
Nguyên vật liệu	2.828.880	599.438	-	-
Công cụ và dụng cụ	608.600	511.941	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	177.109	76.624	-	-
Thành phẩm	1.150.110	366.480	-	-
Hàng hóa	60.867	5.097	-	-
Hàng gửi đi bán	18.069	3.444	-	-
	5.651.811	1.627.172	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.237)	(22.318)	-	-
	5.620.574	1.604.854	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	<u>Từ</u>	<u>Từ</u>
	<u>1/1/2015</u>	<u>1/1/2014</u>
	<u>đến</u>	<u>đến</u>
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Số dư đầu kỳ	22.318	20.739
Tăng dự phòng trong kỳ	51.599	67.433
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(42.680)	(61.739)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(3.488)
Bán một công ty con	-	(627)
Số dư cuối kỳ	31.237	22.318

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Nhà cửa và cấu trúc Triệu VND</b>	<b>Tài nguyên mỏ khoáng sản Triệu VND</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	2.805.492	5.800.051	25.760	77.484	11.123.071	55.242	19.887.100
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	433.163	-	-	1.597	491.590	71.203	997.553
Tăng trong kỳ	143	-	-	123	2.271	38	2.575
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	50.894	-	-	7.014	229.923	2.105	289.936
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	(1.401)	-	(1.401)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(63)	(773.759)	-	-	(9.685)	-	(783.507)
Thanh lý	(1.732)	-	-	-	(10.637)	(1.989)	(14.358)
Phân loại lại	15.592	1.238	(38)	(3.876)	(8.446)	(4.470)	-
Số dư cuối kỳ	3.303.489	5.027.530	25.722	82.342	11.816.686	122.129	20.377.898
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	183.107	171.419	19.076	36.627	1.040.564	26.394	1.477.187
Khấu hao trong kỳ	82.064	524	2.357	6.656	382.956	6.743	481.300
Thanh lý	(1.154)	-	-	-	(8.313)	(1.958)	(11.425)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(33.842)	-	-	(9.685)	-	(43.527)
Khấu hao do điều chỉnh giá trị hợp lý	355	86.043	-	(6)	(1.431)	(2)	84.959
Phân loại lại	(410)	-	(3)	(3.875)	8.328	(4.040)	-
Số dư cuối kỳ	263.962	224.144	21.430	39.402	1.412.419	27.137	1.988.494
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	2.622.385	5.628.632	6.684	40.857	10.082.507	28.848	18.409.913
Số dư cuối kỳ	3.039.527	4.803.386	4.292	42.940	10.404.267	94.992	18.389.404

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN/HN**

**Công ty**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	15.099	5.660	20.759
Tăng trong kỳ	-	88	88
Số dư cuối kỳ	15.099	5.748	20.847
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	11.352	2.235	13.587
Khấu hao trong kỳ	1.606	832	2.438
Số dư cuối kỳ	12.958	3.067	16.025
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	3.747	3.425	7.172
Số dư cuối kỳ	2.141	2.681	4.822

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	67.300
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	22.433
Khấu hao trong kỳ	6.730
Số dư cuối kỳ	29.163
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	44.867
Số dư cuối kỳ	38.137

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**9. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm vi tính</b>	<b>Giấy phép và nhượng quyền thương mại</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Quan hệ khách hàng</b>	<b>Tài nguyên nước khoáng</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>Công nghệ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu kỳ	170.254	111.350	-	712.471	375.110	305.336	588.373	-	2.262.894
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	124.464	878	-	1.729.230	2.646.073	-	-	93.444	4.594.089
Tăng trong kỳ	-	-	74.845	-	-	-	-	-	74.845
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	133.941	-	-	-	-	-	-	133.941
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.295)	(1)	-	-	-	-	-	-	(32.296)
Xóa sổ	-	(1.760)	-	-	-	-	-	-	(1.760)
Phân loại lại	42	(40)	-	-	-	-	(2)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>262.465</b>	<b>244.368</b>	<b>74.845</b>	<b>2.441.701</b>	<b>3.021.183</b>	<b>305.336</b>	<b>588.371</b>	<b>93.444</b>	<b>7.031.713</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu kỳ	24.053	30.304	-	188.375	211.107	4.990	5.369	-	464.198
Khấu hao trong kỳ	2.795	8.666	1.084	61.711	65.657	1.302	15.275	3.168	159.658
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.851)	(1)	-	-	-	-	-	-	(3.852)
Xóa sổ	-	(1.760)	-	-	-	-	-	-	(1.760)
Phân loại lại	42	(41)	-	-	(1)	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.039</b>	<b>37.168</b>	<b>1.084</b>	<b>250.086</b>	<b>276.763</b>	<b>6.292</b>	<b>20.644</b>	<b>3.168</b>	<b>618.244</b>
<b>Giá trị còn lại</b>									
Số dư đầu kỳ	146.201	81.046	-	524.096	164.003	300.346	583.004	-	1.798.696
Số dư cuối kỳ	239.426	207.200	73.761	2.191.615	2.744.420	299.044	567.727	90.276	6.413.469



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**Công ty**

	<b>Phần mềm vi tính Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	4.532
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.261
Khấu hao trong kỳ	552
Số dư cuối kỳ	2.813
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.271
Số dư cuối kỳ	1.719

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	3.811.051	20.042.933	-	10.021
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	223.192	2.799	-	-
Tăng trong kỳ/năm	1.323.075	3.356.972	-	1.093
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.401	-	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(289.936)	(17.154.847)	-	(4.313)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(133.941)	(67.048)	-	-
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	15.833	(972.598)	-	(63)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.665)	(6.594)	-	-
Thanh lý	(825)	(5.263)	-	(4.521)
Xóa sổ	-	(2.217)	-	(2.217)
Phân loại sang phải thu khác dài hạn	-	(1.383.086)	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	4.948.185	3.811.051	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>		
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>				
Đầu tư vào các công ty con	-	-	5.582.605	3.389.914
Đầu tư vào một công ty liên kết (a)	8.880.513	8.601.126	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	21.646	-	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	144.050	-	-
	<b>8.901.247</b>	<b>8.745.176</b>	<b>14.515.029</b>	<b>12.322.338</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn (b)</b>	<b>2.067.123</b>	<b>4.042.212</b>	<b>11.273</b>	<b>239.614</b>
	<b>2.067.123</b>	<b>4.042.212</b>	<b>11.273</b>	<b>239.614</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	516.600	516.600
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	2.873.314
Công ty TNHH Masan Nutri-Science	2.192.691	-
	<b>5.582.605</b>	<b>3.389.914</b>

**(a) Đầu tư các công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,36% (31/12/2014: 30,36%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và khoản đầu tư 25,75% (31/12/2014: 25,75%) lợi ích kinh tế trong tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“Cholimex”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(b) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Phần lớn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	<b>Phí tư vấn và khảo sát Triệu VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước Triệu VND</b>	<b>Trục in Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí sắp xếp Triệu VND</b>	<b>Chi phí trước hoạt động Triệu VND</b>	<b>Chi phí khác Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	632.994	2.171	46	12.434	230.665	155.379	284.985	50.918	1.369.592
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	93.572	-	12.711	-	-	-	15.260	121.543
Tăng trong kỳ	-	2.293	-	5.953	-	142	64.089	16.907	89.384
Chuyển sang vay dài hạn	-	-	-	-	(229.975)	-	-	-	(229.975)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	35	-	-	-	-	35
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	-	(53.475)	793.455	-	739.980
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	5.938	-	-	21.625	(43.396)	(15.833)
Phân bổ trong kỳ	(16.513)	(1.637)	(46)	(18.040)	(690)	(45.259)	(75.177)	(9.217)	(166.579)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	28.444	-	-	-	-	-	-	28.444
Thanh lý	-	-	-	(48)	-	-	-	-	(48)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	1.430	-	-	-	-	1.430
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	(14.837)	14.837	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>616.481</b>	<b>124.843</b>	<b>-</b>	<b>20.413</b>	<b>-</b>	<b>56.787</b>	<b>1.074.140</b>	<b>45.309</b>	<b>1.937.973</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN/HN**

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Chi phí khác Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	35.969	6.319	42.288
Tăng trong kỳ	-	45	45
Chuyển sang vay dài hạn	(35.278)	-	(35.278)
Phân bổ trong kỳ	(691)	(1.359)	(2.050)
Số dư cuối kỳ	-	5.005	5.005

**13. Lợi thế thương mại**

	<b><u>Tập đoàn</u> Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	942.834
Tăng trong kỳ	364.768
Số dư cuối kỳ	1.307.602
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	150.480
Khấu hao trong kỳ	59.243
Số dư cuối kỳ	209.723
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	792.354
Số dư cuối kỳ	1.097.879

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.452	736.517	-	-
Thuế giá trị gia tăng	53.694	78.677	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	58	7.457	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.129	32.669	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.604	27.451	-	-
Các loại thuế khác	5.385	79.779	-	1.127
	<b>308.322</b>	<b>962.550</b>	<b>-</b>	<b>1.127</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi vay phải trả	584.447	507.510	200.631	192.767
Phải trả cho xây dựng công trình	191.294	192.614	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	766.762	476.995	-	-
Phí tư vấn	60.584	55.044	21.921	21.328
Thưởng và lương tháng 13	64.778	112.489	-	-
Chiết khấu hàng bán	144.945	70.622	-	-
Chi phí vận chuyển	130.490	103.563	-	-
Thuế nhà thầu	151.596	79.257	358	334
Chi phí phải trả cho hàng tồn kho đã mua	109.072	10.401	-	-
Khác	417.059	254.036	738	810
	<b>2.621.027</b>	<b>1.862.531</b>	<b>223.648</b>	<b>215.239</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**16. Phải trả khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	1.853	104	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	1.072	935	-	155
Cổ tức phải trả	112.902	54.672	-	-
Mua cổ phần công ty con	-	1.739.738	-	1.500.558
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	60.561	-	60.561	-
Khác	162.180	71.289	120.525	54.611
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	338.568	1.866.738	181.086	1.555.324
<hr/>				
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Phải trả dài hạn	54.798	93.043	-	14.580
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	-	60.561	-	60.561
Ký quỹ dài hạn	26.223	24.297	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	81.021	177.901	-	75.141
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay ngắn hạn	5.785.913	5.329.970	-	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	680.918	712.308	567.960	567.960
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	6.466.831	6.042.278	567.960	567.960
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau

	<b>Loại tiền</b>	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
		<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	5.133.476	4.255.258	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	652.437	1.074.712	-	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
		5.785.913	5.329.970	-	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay dài hạn (a)	4.509.606	4.015.513	629.000	-
Khoản vay chuyển đổi	-	567.960	567.960	567.960
Trái phiếu có đảm bảo	26.511.549	13.600.000	4.676.139	4.700.000
Nợ thuê tài chính	45.823	50.805		-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	31.066.978	18.234.278	5.873.099	5.267.960
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(680.918)	(712.308)	(567.960)	(567.960)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	30.386.060	17.521.970	5.305.139	4.700.000

**(a) Vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	685.856	276.639	629.000	-
Tiền Đô la Mỹ	3.823.750	3.738.874	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	4.509.606	4.015.513	629.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**19. Biến động của vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông không kiểm soát Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	(8.832.067)	(43.098)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ nợ	8.968	29.537	-	-	-	38.505	-	38.505
Các giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con	-	-	14.161	-	-	14.161	(1.074.566)	(1.060.405)
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát từ phát hành thêm cổ phiếu của công ty con	-	-	(192.216)	-	-	(192.216)	581.896	389.680
Giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát từ phát hành thêm cổ phiếu của công ty con	-	-	(34.927)	-	-	(34.927)	74.832	39.905
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	(349.327)	(349.327)	(1.152.733)	(1.502.060)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	43.098	-	43.098	16.909	60.007
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.080.169	1.080.169	956.873	2.037.042
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	(16.349)	(16.349)	(17.853)	(34.202)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>7.358.081</b>	<b>9.631.164</b>	<b>(9.045.049)</b>	<b>-</b>	<b>7.071.887</b>	<b>15.016.083</b>	<b>6.909.056</b>	<b>21.925.139</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông không kiểm soát Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	7.358.081	9.631.164	(9.045.049)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
Giao dịch với cổ đông thiểu số ở công ty con	-	-	-	(22.569)	(22.569)	63.423	40.854
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại một công ty con	-	-	-	-	-	3.982.267	3.982.267
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	363.826	363.826	309.012	672.838
Cổ tức chi trả	-	-	-	-	-	(666.846)	(666.846)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	(1.789)	(1.789)	(1.225)	(3.014)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>7.358.081</b>	<b>9.631.164</b>	<b>(9.045.049)</b>	<b>7.411.355</b>	<b>15.355.551</b>	<b>10.595.687</b>	<b>25.951.238</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**Công ty**

	<b>Vốn cổ phần</b>	<b>Thặng dư</b>	<b>Vốn khác của</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>vốn cổ phần</b>	<b>chủ sở hữu</b>	<b>phân phối</b>	<b>Triệu VND</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	(1.488.972)	(1.206.546)	14.255.222
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ	8.968	29.537	-	-	38.505
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.237.391	3.237.391
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	2.030.845	17.531.118
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	2.030.845	17.531.118
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(368.646)	(368.646)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	1.662.199	17.162.472

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	735.808.140	7.358.081	735.808.140	7.358.081
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	735.808.140	7.358.081	735.808.140	7.358.081
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	9.631.164	-	9.631.164

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu kỳ/năm	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ	-	-	896.802	8.968
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>735.808.140</b>	<b>7.358.081</b>	<b>735.808.140</b>	<b>7.358.081</b>

**21. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai. Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, tăng/giảm lợi ích của cổ đông không kiểm soát và chênh lệch giữa giá mua lại phần vốn khác và giá trị ghi sổ của nó được hạch toán vào vốn khác của chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**22. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán Thành phẩm	10.616.951	6.853.363	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	7.566	102.147	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(179.433)	(79.787)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(31.256)	(24.496)	-	-
Doanh thu thuần	10.413.828	6.851.227	-	-

**23. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	6.821.554	4.249.018	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	68.015	31.119	-	-
	6.889.569	4.280.137	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	165.562	215.207	24.050	14.917
• Cho vay	41.493	25.979	-	-
• Cho công ty con vay	-	-	-	291.198
Thu nhập hạn mức vay từ các công ty con	-	-	279.097	176.691
Thu nhập từ cổ tức	-	-	-	3.169.052
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.863	14.518	723	683
Doanh thu tài chính khác	317.459	16.763	53.688	-
	<b>551.377</b>	<b>272.467</b>	<b>357.558</b>	<b>3.652.541</b>

**25. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	162.007	205.289	-	-
• Các trái chủ, khác	808.882	456.598	301.489	350.656
• Công ty con	-	-	7.996	220.087
Chi phí hạn mức vay trả cho công ty con	-	-	402	2.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	165.846	59.370	718	14
Chi phí tài chính khác	32.305	160.506	367	-
	<b>1.169.040</b>	<b>881.763</b>	<b>310.972</b>	<b>573.650</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**26. Lợi nhuận từ các công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	251.781	373.148
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	-	(331.654)
	251.781	41.494
	251.781	41.494

**27. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Đã điều chỉnh lại
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.057	1.558	-	-
Thu nhập khác	21.262	15.490	7.538	8.379
	23.319	17.048	7.538	8.379
	23.319	17.048	7.538	8.379

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**28. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	20.484	-	50	-
Chi phí khác	4.082	4.928	-	1.433
	24.566	4.928	50	1.433

**29. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên lợi nhuận trong kỳ phân  
bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 363.826 triệu VND (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014:  
(330.330) triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là  
747.258.493 cổ phiếu (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 746.361.691 cổ phiếu). được tính như sau:

(i) **Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	363.826	(333.330)
	363.826	(333.330)

(ii) **Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	735.808.140	734.911.338
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	11.450.353	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối kỳ	747.258.493	746.361.691

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này. Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Tập đoàn**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	31.226	19.998

*(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014.*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**Công ty:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Bản chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con	-	735.000
	Chi phí lãi vay từ khoản vay dài hạn	-	220.087
	Phí duy trì hạn mức vay	-	2.893
	Thu nhập cổ tức	-	1.240.800
	Khoản vay trả cho công ty con bằng việc chuyển nhượng khoản nợ cho công ty con	-	7.709.298
	Chi phí lãi vay trả cho công ty con bằng việc chuyển nhượng khoản nợ cho công ty con	-	2.831.626
	Giá mua công ty con	-	1.246.496
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	3.196	932.463
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	266.295	225.536
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	37.458	32.416
	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	-	72.995
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sân Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	-	103.696
	Khoản vay cấp cho công ty con	-	210.000
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	11.322	6.892
	Phí hỗ trợ cho công ty con	360.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery	Khoản vay cấp cho công ty con	-	475.657
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	79.569	452.577
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	1.346	24.831

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	Từ	Từ
		1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Thu nhập cổ tức	-	1.928.252
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	1.523
	Cho công ty con vay	-	160.865
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	-	154.200
Công ty TNHH Kenji	Khoản vay nhận từ công ty con	629.000	-
	Chi phí lãi vay từ khoản vay	7.996	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	4.701	2.909

*(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ báo cáo năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**31. Số liệu so sánh**

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn đã áp dụng hướng dẫn trong Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do kết quả của thay đổi chính sách kế toán, số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại. Ngoài ra, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong báo cáo trước đây được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	Tập đoàn		Công ty	
	1/1/2015 (điều chỉnh lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)	1/1/2015 (điều chỉnh lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	2.172.320	-
Phải thu khác	527.770	490.742	1.041.652	3.183.613
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.615	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	50.643	-	30.359
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	2.283.927	-
Phải thu dài hạn khác	1.447.633	1.387.798	2.741.703	5.016.249
Tài sản cố định	20.253.476	24.064.527	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	3.811.051	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	8.601.126	8.597.526	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.050	147.650	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	59.835	-	9.381

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 (điều chỉnh lại) Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 (điều chỉnh lại) Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND
Tổng doanh thu	6.851.227	6.838.953	-	-
Giá vốn hàng bán	4.280.137	4.211.235	-	-
Chi phí bán hàng	1.273.243	1.339.903	-	-
Thu nhập khác	17.048	96.652	8.379	67.865
Chi phí khác	4.928	74.500	1.433	60.919

**32. Các sự kiện sau niên độ**

Ngày 13 tháng 7 năm 2015, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.358.081 triệu VND lên 7.467.179 triệu VND từ đợt phát hành 10.909.721 cổ phần.

Trong tháng 8 năm 2015, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San ("MSI"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San ("MSF"), đã thực hiện thanh toán khoản vay hợp vốn được thu xếp bởi J.P Morgan với số tiền gốc là 175 triệu USD.

Trong quá trình chuẩn bị niêm yết và giao dịch cổ phần của mình trên một sàn chứng khoán, ngày 29 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San ("MR") đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn hồ sơ đăng ký trở thành công ty đại chúng. MR cũng đã nộp hồ sơ đăng ký cổ phần của mình tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và dự kiến sẽ được chấp thuận lưu ký cổ phiếu trong trong Quý III/2015.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

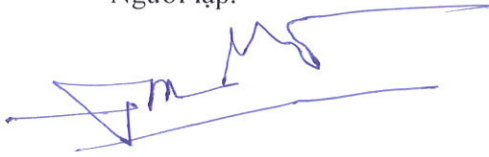
**Mẫu B 09 – DN/HN**

**33. Giải trình biến động lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Tập đoàn là 673 tỷ VND (sau phân bổ lợi thể thương mại) so với lỗ thuần của cùng kỳ năm trước là 44 tỷ VND là do sự tăng trưởng cao của doanh thu và sự cải thiện của biên độ lợi nhuận gộp.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty lỗ 369 tỷ VND so với khoản lợi nhuận sau thuế 3.016 tỷ VND của cùng kỳ năm trước chủ yếu là do không có thu nhập từ cổ tức trong kỳ.

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
*Chủ tịch*

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

